TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 27-02-2018.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Triều.
2. Ông Đỗ Hồng Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017, về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1994; trú tại: Số 280, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; (Chị P có mặt tại phiên tòa)

- *Bị đơn*: Đỗ Trọng G, sinh năm 1985; trú tại: Số 478, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; (Anh G có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Kim P trình bày: Chị P và anh G cưới nhau vào năm 2014, đăng ký kết hôn vào ngày 12/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 132. Sau khi kết hôn, chị P và anh G chung sống hạnh phúc không phát sinh mâu thuẫn, nhưng chị P không còn tình cảm với anh G, nên vợ chồng đã ly thân từ cuối tháng 10/2017 đến nay. Từ lúc ly thân đến nay, anh G và chị P không đến thăm hỏi nhau, nay chị P yêu cầu được ly hôn với anh G. Về con chung: Chị P và anh G có 01 con chung tên Đỗ Gia Bảo N, sinh ngày 06/01/2015, hiện nay đang do chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị P yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản và nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Đỗ Trọng G trình bày: Anh G và chị P cưới nhau vào năm 2014, đăng ký kết hôn vào ngày 12/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 132. Sau khi kết hôn, chị P và anh G chung sống hạnh phúc không phát sinh mâu thuẫn, chị P nói không còn tình cảm với anh G, nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2017 đến nay. Từ lúc ly thân đến nay, chị P và anh G không đến thăm hỏi nhau, nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh G không đồng ý ly hôn với chị P. Về con chung: Anh G và chị P có 01 con chung tên Đỗ Gia Bảo N, sinh ngày 06/01/2015, hiện nay đang do chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P thì anh G yêu cầu trực tiếp nuôi con chung không yêu cầu chị P cấp dưỡng. Về chia tài sản: Anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc Chị P xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh G là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị P và anh G thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh G có địa chỉ cư trú tại số nhà 478, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc chị P và anh G đăng ký kết hôn vào ngày 12/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 132, đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị P và anh G đã có thời gian dài sống chung hạnh phúc và đã có với nhau một con chung, chị P cho rằng không còn tình cảm với anh G, nên yêu cầu được ly hôn mặc dù không xảy ra mâu thuẫn gì và chỉ ly thân từ cuối tháng 10 năm 2017 đến nay. Anh G không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn còn tình cảm với chị P. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa chị P cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để chứng minh việc mâu thuẫn giữa vợ chồng mà chị P cho rằng hiện tại không còn muốn sống chung với anh G nữa nên yêu cầu ly hôn với anh G. Còn anh G thì tha thiết yêu cầu đoàn tụ vợ chồng để cùng nhau chung sống hạnh phúc và lo lắng cho con. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh G là chưa lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chỉ vì không còn tình cảm nên chị P yêu cầu ly hôn với anh G là chưa phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Vì vậy, cần không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P để vợ chồng đoàn tụ là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Do không chấp nhận yêu cầu của chị P nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

[4 Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 91, Điều 96, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim P với anh Đỗ Trọng G.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 02077 ngày 04/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (Chị P đã nộp đủ án phí).

3. Chị Nguyễn Thị Kim P và anh Đỗ Trọng G có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- UBND xã Đ;
(GCNKH số 132 ngày 12/10/2017)
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Văn Kiến